

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị B, sinh năm 1978 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn Q, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2019 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Hồ Thị B trình bày:

Vào năm 1998, bà (Hồ Thị B) và ông Võ Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn Q. Về con chung

có có ba người tên là Võ Thị D (giới tính nữ), sinh ngày 22/7/1999; Võ Thị N (giới tính nữ), sinh ngày 29/3/2001 và Võ Thị Kiều H (giới tính nữ), sinh ngày 28/11/2008. Hiện là Võ Thị D và Võ Thị N đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Riêng Võ Thị Kiều H đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Võ Văn Q cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết

Tại biên bản làm việc ngày 01/7/2019, bị đơn là ông Võ Văn Q trình bày:

Về hôn nhân, thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đúng như bà Hồ Thị B đã khai. Đối với mâu thuẫn giữa vợ chồng thì chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ, nên vào ngày 04/6/2016 bà Hồ Thị B đi tỉnh B làm thuê và sau đó khởi kiện ly hôn ông. Hiện tại ông vẫn còn tình thương đối với cho bà Hồ Thị B, ông muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung có ba người tên là Võ Thị D (giới tính nữ), sinh ngày 22/7/1999; Võ Thị N (giới tính nữ), sinh ngày 29/3/2001 và Võ Thị Kiều H (giới tính nữ), sinh ngày 28/11/2008. Hiện là Võ Thị D và Võ Thị N đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết đúng như bà Hồ Thị B đã trình bày. Nay bà Hồ Thị B yêu cầu nuôi dưỡng Võ Thị Kiều H ông không đồng ý. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng Võ Thị Kiều H, ông không yêu cầu bà Hồ Thị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng có tài sản chung nhưng bà Hồ Thị B không yêu cầu chia nên ông không có ý kiến. Về nợ chung bà Hồ Thị B xác định không có, ông không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Hồ Thị B yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con với ông Võ Văn Q nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Võ Văn Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Võ Văn Q.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Hồ Thị B xác định bà và ông Võ Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Hồ Thị B xác định quá trình chung sống cùng với ông Võ Văn Q thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây giữa bà và ông Võ Văn Q thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà Hồ Thị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn Q. Ông Quan cho rằng hiện tại ông vẫn còn tình thương đối với cho bà Hồ Thị B,

ông muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nên ông không đồng ý ly hôn. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, bà Hồ Thị B và ông Võ Văn Q không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Hồ Thị B và ông Võ Văn Q có 03 người con chung tên là Võ Thị D (giới tính nữ), sinh ngày 22/7/1999; Võ Thị N (giới tính nữ), sinh ngày 29/3/2001 và Võ Thị Kiều H (giới tính nữ), sinh ngày 28/11/2008. Hiện là Võ Thị D và Võ Thị N đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Võ Thị Kiều H, xét thấy con chung hiện tại đang do bà Hồ Thị B đang trực tiếp nuôi, cháu Võ Thị Kiều H là nữ vì vậy việc tiếp tục giao con chung cho bà Hồ Thị B nuôi là phù hợp và phù hợp với nguyện vọng của người con chưa thành niên nên có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị B về việc không yêu cầu ông Võ Văn Q cấp dưỡng nuôi con. Ông Võ Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị B xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Hồ Thị B phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị B và ông Võ Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Hồ Thị B chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Võ Thị Kiều H (giới tính nữ), sinh ngày 28/11/2008 cho đến khi Võ Thị Kiều H đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị B không yêu cầu ông Võ Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Hồ Thị B đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019205, ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước